

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
KHOA KẾ TOÁN-KIỂM TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

**KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
THỪA THIÊN HUẾ**

SV thực hiện: TRẦN THỊ THÙY LINH *Giáo viên hướng dẫn:*

Lớp: K49A_Kế toán

Ths. Hoàng Thị Kim Thoa

Niên khóa: 2015-2019

Huế, tháng 5 năm 2019

Lời Cảm Ơn

Trong quá trình học tập tại trường Đại học Kinh tế Huế cũng như quá trình thực tập tại Công ty cổ phần Quản lý đường bộ và Xây dựng công trình Thừa Thiên Huế, em đặc biệt chú ý đến hoạt động kế toán nguyên vật liệu của Công ty nên em chọn đề tài “Kế toán nguyên vật liệu của Công ty cổ phần Quản lý đường bộ và Xây dựng công trình Thừa Thiên Huế” làm đề tài khóa luận của mình.

Để hoàn thành khóa luận thực tập này trước hết em xin gửi đến quý thầy, cô giáo trong khoa Kế toán-Kiểm toán trường Đại học Kinh tế Huế lời cảm ơn chân thành.

Đặc biệt, em xin gửi đến cô Hoàng Thị Kim Thoa, người đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ em hoàn thành báo cáo thực tập này lời cảm ơn sâu sắc nhất.

Em xin chân thành cảm ơn Ban Lãnh Đạo, các phòng ban của Công ty Cổ phần Quản lý đường bộ và Xây dựng công trình Thừa Thiên Huế đã tạo điều kiện thuận lợi cho em được tìm hiểu thực tiễn trong suốt quá trình thực tập tại Công ty.

Đồng thời nhà trường đã tạo cho em có cơ hội được thực tập nơi mà em yêu thích, cho em bước ra đời sống thực tế để áp dụng những kiến thức mà các thầy cô giáo đã giảng dạy. Qua công việc thực tập này em nhận ra nhiều điều mới mẻ và bổ ích trong công việc kế toán, giúp ích cho công việc sau này của bản thân.

Cuối cùng em xin cảm ơn các anh chị Phòng kế toán của Công ty đã giúp đỡ, cung cấp những số liệu thực tế để em hoàn thành tốt khóa luận thực tập tốt nghiệp này.

Vì kiến thức bản thân còn hạn chế, trong quá trình thực tập, hoàn thiện khóa luận này em không tránh khỏi những sai sót, kính mong nhận được những ý kiến đóng góp từ thầy cô cũng như quý Công ty.

Huế, tháng 5 năm 2019

Sinh viên

Trần Thị Thùy Linh

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

1	BTC	Bộ Tài chính
2	BCTC	Báo cáo tài chính
3	BHXXH	Bảo hiểm xã hội
4	BHYT	Bảo hiểm y tế
5	KPCĐ	Kinh phí công đoàn
6	KKTX	Kê khai thường xuyên
7	KKĐK	Kiểm kê định kỳ
8	HDQT	Hội đồng quản trị
9	HTK	Hàng tồn kho
10	GTGT	Giá trị gia tăng
11	NPT	Nợ phải trả
12	NVL	Nguyên vật liệu
13	VCSH	Vốn chủ sở hữu
14	SXKD	Sản xuất kinh doanh
15	XN	Xí nghiệp
16	XNK	Xuất nhập khẩu
17	TSDH	Tài sản dài hạn
18	TSNH	Tài sản ngắn hạn
19	TSCĐ	Tài sản cố định
20	TK	Tài khoản

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1: Tình hình lao động tại Công ty cổ phần Quản lý đường bộ và Xây dựng công trình Thừa Thiên Huế	33
Bảng 1.2: Bảng đánh giá tình hình tài sản và nguồn vốn của Công ty cổ phần Quản lý đường bộ và Xây dựng công trình Thừa Thiên Huế	38
Bảng 1.3: Bảng phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Quản lý đường bộ và Xây dựng công trình Thừa Thiên Huế qua 3 năm (2016 – 2018)	39

Tailieu.vn

Trường Đại học Kinh tế Huế

DANH MỤC BIỂU

Biểu 2.1: Giấy đề nghị cấp vật tư từ công trình chuyển lên.....	52
Biểu 2.2: Thông báo giá của Công ty cổ phần BACHCHAMBARD Đà Nẵng.....	54
Biểu 2.3: Mẫu Kết quả thí nghiệm nhựa lỏng (MC70) của Công ty cổ phần tư vấn xây dựng CTES	55
Biểu 2.4: Giấy đề nghị cấp vật tư khi Nhựa MC70 đã về nhập kho	56
Biểu 2.5: Hóa đơn GTGT của Công ty cổ phần Bachchambard Đà Nẵng khi mua 6.750kg Nhựa lỏng MC70	57
Biểu 2.6: Mẫu Biên bản nghiệm thu khối lượng và bàn giao hàng hóa khi 2.500kg Nhựa lỏng MC 70 đưa đến kho vào ngày 20/12/2018	58
Biểu 2.7: Biên bản nghiệm thu khối lượng và bàn giao hàng hóa khi 2.500kg Nhựa lỏng MC 70 đưa đến kho vào ngày 21/12/2018	59
Biểu 2.8: Biên bản nghiệm thu khối lượng và bàn giao hàng hóa khi 2.500kg Nhựa lỏng MC 70 đưa đến kho vào ngày 23/12/2018	60
Biểu 2.9: Phiếu nhập kho của Công ty sử dụng khi nhập 6 750 kg nhựa MC 70 vào ngày 23/12/2018	62
Biểu 2.10: Phiếu xuất kho của Công ty sử dụng khi xuất 6 750 kg nhựa đường MC... ..	63
Biểu 2.11: Mẫu giấy đề nghị cấp vật tư của Xí nghiệp Quản lý đường bộ 3 xin cấp 25 trụ phân làn Plastic phản quang.....	64
Biểu 2.12: Hóa đơn GTGT của Công ty TNHH Xây dựng thương mại và Dịch vụ Thuận Đức khi mua Trụ phân làn Plastic phản quang.	65
Biểu 2.13: Phiếu nhập kho khi mua 25 trụ phân làn Plastic phản quang của Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Thuận Đức.....	66
Biểu 2.14: Phiếu xuất kho xuất 25 trụ phân làn Plastic phản quang của Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Thuận Đức.....	67
Biểu 2.15: Mẫu Thẻ kho của NVL Nhựa MC 70	71
Biểu 2.16: Sổ chi tiết vật tư của Nhựa MC 70	72
Biểu 2.18: Mẫu Thẻ kho của NVL Trụ Plastic phản quang.....	74
Biểu 2.19: Sổ chi tiết của Trụ Plastic phản quang.....	75
Biểu 2.20: Báo cáo chi tiết tài khoản 1522 của NVL Trụ phân làn Plastic phản quang	76

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Quy trình thực hiện phương pháp ghi thẻ song song	13
Sơ đồ 1.2: Kế toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển	14
Sơ đồ 1.3: Kế toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ dư	15
Sơ đồ 1.4: Kế toán tổng hợp về nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên	19
Sơ đồ 1.5: Kế toán tổng hợp về nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ ..	22
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ kế toán NVL thừa, thiếu khi kiểm tra	23
Sơ đồ 1.7: Quy trình kế toán nghiệp vụ liên quan đến kiểm kê và đánh giá lại vật liệu theo phương pháp KKĐK.....	24
Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý Công ty cổ phần quản lý đường bộ và xây dựng công trình Thừa Thiên Huế	31
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Công ty.....	42
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán	45
Sơ đồ 2.5: Phương pháp hạch toán tổng hợp NVL Công ty cổ phần quản lý đường bộ và xây dựng công trình Thừa Thiên Huế.....	68
Sơ đồ 2.4: Hạch toán NVL theo phương pháp thẻ song song của Công ty cổ phần quản lý đường bộ và xây dựng công trình Thừa Thiên Huế	70

MỤC LỤC

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2 Mục tiêu nghiên cứu đề tài	1
3. Đối tượng nghiên cứu	2
4. Phạm vi nghiên cứu	2
5. Phương pháp nghiên cứu	2
6. Kết cấu chuyên đề.....	3
PHẦN II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU.....	4
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT	4
1.1 Một số vấn đề lý luận chung về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất	4
1.1.1 Khái niệm, đặc điểm, yêu cầu quản lý nguyên vật liệu.....	4
1.1.1.1 Khái niệm về nguyên vật liệu.....	4
1.1.1.2. Đặc điểm về nguyên vật liệu	4
1.1.1.3. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu	4
1.1.2 Vai trò, nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu	6
1.1.3. Phân loại nguyên vật liệu	7
1.1.4. Đánh giá nguyên vật liệu.....	8
1.1.4.1. Nguyên tắc đánh giá	8
1.1.4.2. Tính giá vật liệu nhập kho	9
1.1.4.3. Tính giá vật liệu xuất kho	10
1.2. Nội dung và phương pháp hạch toán nguyên vật liệu	12
1.2.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu.....	12
1.2.1.1 Phương pháp ghi thẻ song song.....	12
1.2.1.2 Phương pháp đối chiếu luân chuyển.....	14
1.2.1.3 Phương pháp sổ dư	15
1.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.....	16

1.2.2.1. Kế toán tổng hợp về nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên	16
1.2.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	20
1.2.3. Kế toán các nghiệp vụ khác.....	22
1.2.3.1. Kế toán kiểm kê và đánh giá lại nguyên vật liệu.....	22
1.2.3.2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	26
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THỪA THIÊN HUẾ.....	29
2.1. Tổng quan về Công ty cổ phần Quản lý đường bộ và Xây dựng công trình Thừa Thiên Huế.	29
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần Quản lý đường bộ và Xây dựng công trình Thừa Thiên Huế.....	29
2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của Công ty cổ phần Quản lý đường bộ và Xây dựng công trình Thừa Thiên Huế	30
2.1.2.1 Chức năng.....	30
2.1.2.2 Nhiệm vụ	30
2.1.3. Quy mô và nguồn lực của Công ty cổ phần Quản lý đường bộ và Xây dựng công trình Thừa Thiên Huế	30
2.1.3.1 Tổ chức bộ máy quản lý	30
2.1.3.2. Quy mô và nguồn lực kinh doanh	33
a) Tình hình lao động	33
b) Tình hình về tài sản, nguồn vốn và kết quả kinh doanh.....	35
2.1.4. Khái quát về tổ chức công tác kế toán của Công ty cổ phần Quản lý đường bộ và Xây dựng công trình Thừa Thiên Huế.....	42
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty cổ phần Quản lý đường bộ và Xây dựng công trình Thừa Thiên Huế	42
2.1.4.2. Tổ chức vận dụng chế độ kế toán.....	43
2.2. Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Quản lý đường bộ và Xây dựng công trình Thừa Thiên Huế.....	46

2.2.1. Đặc điểm nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Quản lý đường bộ và Xây dựng công trình Thừa Thiên Huế	46
2.2.2. Phân loại nguyên vật liệu	47
2.2.3. Tổ chức quản lý nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Quản lý đường bộ và Xây dựng công trình Thừa Thiên Huế	48
2.2.4. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Quản lý đường bộ và Xây dựng công trình Thừa Thiên Huế.....	48
2.2.5. Tổ chức chứng từ, tài khoản, sổ kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Quản lý đường bộ và Xây dựng công trình Thừa Thiên Huế.....	49
2.2.5.1. Tổ chức chế độ chứng từ	49
2.2.5.2. Tổ chức hệ thống tài khoản	50
2.2.5.3. Tổ chức hình thức sổ kế toán.....	50
2.2.6. Phương pháp kế toán nguyên vật liệu	50
2.2.6.1. Trình tự luân chuyển chứng từ	50
2.2.6.2. Kế toán tổng hợp NVL	68
2.2.6.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu.....	70
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP GÓP PHẦN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THỪA THIÊN HUẾ	77
3.1. Đánh giá chung về việc tổ chức công tác kế toán tại Công ty cổ phần Quản lý đường bộ và Xây dựng công trình Thừa Thiên Huế	77
3.1.1. Những ưu điểm.....	77
3.1.2. Những hạn chế.....	78
3.2. Đánh giá về công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần quản lý đường bộ và xây dựng công trình Thừa Thiên Huế.....	78
3.2.1. Những ưu điểm.....	78
3.2.2. Những hạn chế.....	79
3.3. Một số biện pháp nhằm góp phần hoàn thiện tổ chức công tác kế toán, kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần quản lý đường bộ và xây dựng công trình Thừa Thiên Huế	81

3.3.1. Đối với tổ chức công tác kế toán.....	81
3.3.2. Đối với công tác kế toán nguyên vật liệu	81
PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	83
1. Kết luận.....	83
2. Kiến nghị	83
DANH SÁCH TÀI LIỆU THAM KHẢO:	85

Tailieu.vn

Trường Đại học Kinh tế Huế

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Lý do chọn đề tài

Đối với bất kỳ doanh nghiệp nào, dù có quy mô nhỏ, vừa hay lớn, quy trình công nghệ đơn giản hay phức tạp, các nhà quản lý luôn tìm kiếm những biện pháp tối ưu để giảm giá thành sản xuất mà không ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Trong đó, chi phí NVL là một trong ba yếu tố cấu thành nên thực thể sản xuất và thường chiếm tỉ trọng trong toàn bộ chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Do đó, biết tìm kiếm thông tin, quản lý chặt chẽ NVL trong quá trình thu mua dự trữ, bảo quản và sử dụng cho ý nghĩa lớn trong tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tiết kiệm vốn từ đó các nhà quản lý doanh nghiệp sẽ thu được lợi nhuận càng cao. Do vậy, công tác quản lý sử dụng hợp lý và sử dụng hợp lý tiết kiệm NVL trong sản xuất kinh doanh là vấn đề mà các nhà quản lý cần quan tâm. Hay nói cách khác, tổ chức công tác kế toán NVL hợp lý, chặt chẽ và khoa học là một việc quan trọng, nó không những tiết kiệm được NVL mà còn tạo điều kiện cung cấp kịp thời và đồng bộ những NVL cần thiết cho sản xuất và nâng cao hiệu quả sử dụng NVL cũng như hiệu quả sản xuất trong kinh doanh.

Công ty cổ phần Quản lý đường bộ và Xây dựng công trình Thừa Thiên Huế là một đơn vị hoạt động kinh doanh chủ yếu xây dựng các công trình giao thông, quản lý duy tu bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống cầu đường bộ, tư vấn khảo sát thiết kế các công trình giao thông. Với đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh như vậy nên NVL ở đây là một phần không thể thiếu. Việc quản lý chặt chẽ và sử dụng có hiệu quả NVL là vấn đề mà Công ty thực sự quan tâm. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề trên nên trong thời gian thực tập tại Công ty cổ phần Quản lý đường bộ và Xây dựng công trình Thừa Thiên Huế Tôi đã tiến hành nghiên cứu đề tài ***“Kế toán NVL tại Công ty cổ phần Quản lý đường bộ và Xây dựng công trình Thừa Thiên Huế”***.

2 Mục tiêu nghiên cứu đề tài

Đề tài này được thực hiện nhằm những mục tiêu sau:

- Tổng hợp, hệ thống hóa những vấn đề chung liên quan đến kế toán NVL.
- Tìm hiểu, đánh giá thực trạng công tác kế toán NVL tại Công ty Cổ phần quản lý đường bộ và xây dựng công trình Thừa Thiên Huế.
- Đề xuất một số giải pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán NVL và nâng cao hiệu quả sử dụng NVL tại Công ty cổ phần Quản lý đường bộ và Xây dựng công trình Thừa Thiên Huế.

3. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu công tác kế toán NVL tại Công ty cổ phần Quản lý đường bộ và Xây dựng công trình Thừa Thiên Huế.

4. Phạm vi nghiên cứu

- Nghiên cứu công tác kế toán tại Công ty cổ phần Quản lý đường bộ và Xây dựng công trình Thừa Thiên Huế.
- Phân tích tình hình sử dụng NVL tại Công ty cổ phần Quản lý đường bộ và Xây dựng công trình Thừa Thiên Huế thông qua các báo cáo kế toán của Công ty trong quý IV năm 2018.

5. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp quan sát: Quan sát quy trình làm việc của các anh chị trong Phòng kế toán để tìm hiểu quy trình luân chuyển chứng từ, cách thức nhập xuất các dữ liệu kế toán.
- Phỏng vấn:
 - + Phỏng vấn chị Hằng, kế toán vật tư của Công ty, tìm hiểu quy trình luân chuyển các hóa đơn chứng từ liên quan đến nhập xuất NVL để hoàn thiện phần thực trạng công tác NVL của Công ty.
 - + Phỏng vấn kế toán tổng hợp của Công ty để biết cách thức nhập xuất Số Cái, báo cáo tổng hợp, BCTC.

+ Phòng văn chú Hồng, Trưởng phòng Hành chính để tìm hiểu tình hình lao động cũng như lịch sử hình thành của Công ty, góp phần hoàn thành chương 1 của Phần II trong bài báo cáo.

- Phương pháp kế toán: thu thập, phân tích các chứng từ, sổ sách kế toán, các tài khoản có liên quan đến NVL, phương pháp tài khoản, phương pháp tính giá, phương pháp tổng hợp cân đối kế toán để hoàn thành phần thực trạng công tác NVL tại Công ty.

- Phương pháp so sánh: được sử dụng nhằm so sánh tình hình kinh doanh cũng như các biến động tình hình tài sản, nguồn vốn của Công ty qua các năm.

6. Kết cấu chuyên đề

Khóa luận gồm 3 phần

Phần I: Đặt vấn đề

Phần II: Nội dung và kết quả nghiên cứu

Chương 1: Cở sở lý luận chung về kế toán NVL trong doanh nghiệp sản xuất

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán NVL tại Công ty Cổ phần Quản lý đường bộ và Xây dựng công trình Thừa Thiên Huế

Chương 3: Một số biện pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Quản lý đường bộ và Xây dựng công trình Thừa Thiên Huế

Phần III: Kết luận và kiến nghị

PHẦN II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 1:

CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1 Một số vấn đề lý luận chung về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất

1.1.1 Khái niệm, đặc điểm, yêu cầu quản lý nguyên vật liệu

1.1.1.1 Khái niệm về nguyên vật liệu

Theo giáo trình *Kế toán tài chính 1* của Phan Đình Ngân Nhà xuất bản Đại học Huế: “NVL của doanh nghiệp là những đối tượng lao động mua ngoài hoặc tự chế biến dùng cho mục đích sản xuất và kinh doanh của doanh nghiệp”.

1.1.1.2. Đặc điểm về nguyên vật liệu

Trong các doanh nghiệp sản xuất NVL được coi là đối tượng lao động chủ yếu được tiến hành gia công chế biến ra sản phẩm. NVL có các đặc điểm chủ yếu sau:

- Tham gia vào từng chu kỳ sản xuất để chế tạo ra sản phẩm mới thường không giữ lại hình thái vật chất ban đầu.
- Các nguyên vật liệu tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất kinh doanh (một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Toàn bộ giá trị của nguyên vật liệu được chuyển trực tiếp vào sản phẩm, là căn cứ cơ sở để tính giá thành.

1.1.1.3. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu

NVL là một yếu tố không thể thiếu được của quá trình sản xuất - kinh doanh ở các doanh nghiệp. Giá trị NVL thường chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất-kinh doanh, vì vậy, quản lý tốt khâu thu mua, dự trữ và sử dụng vật liệu là điều kiện để

bảo đảm chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp. Nhiệm vụ chủ yếu ở từng khâu như sau:

- Khâu thu mua: Cần lập kế hoạch thu mua để bảo đảm doanh nghiệp luôn có nguồn cung cấp NVL với số lượng lớn, chất lượng tốt và giá cả ổn định hợp lý. Quản lý tốt quá trình vận chuyển NVL, chống thất thoát, hao hụt, giảm chất lượng trong quá trình vận chuyển. Đồng thời quan tâm đến chi phí thu mua nhằm hạ thấp chi phí NVL một cách tối đa.

- Khâu bảo quản: Điều kiện cần thiết giúp cho việc bảo quản tốt NVL ở doanh nghiệp là phải có hệ thống kho hàng đủ tiêu chuẩn kỹ thuật, nhân viên thủ kho có phẩm chất đạo đức và trình độ chuyên môn tốt. Ngoài ra, việc bảo quản đảm bảo đúng chế độ quy định phù hợp với tính chất lý hoá của mỗi loại.

- Khâu dự trữ: Các doanh nghiệp cần xây dựng định mức dự trữ hợp lý cho từng danh điểm NVL. Định mức tồn kho là cơ sở để xây dựng kế hoạch thu mua và kế hoạch tài chính của doanh nghiệp. Dự trữ hợp lý, cân đối các loại NVL trong doanh nghiệp sẽ đảm bảo cho quá trình sản xuất – kinh doanh được liên tục, tránh được tồn đọng vốn trong kinh doanh.

- Khâu sử dụng: Yêu cầu sử dụng phải hợp lý, tiết kiệm và theo đúng các định mức kinh tế kỹ thuật đặt ra cho từng sản phẩm. Đây là một trong những khâu có tính quyết định đến việc tiết kiệm chi phí, hạ giá thành để tăng tính cạnh tranh trên thị trường của doanh nghiệp.

Như vậy để tiến hành tốt tổ chức công tác quản lý NVL thì doanh nghiệp phải đảm bảo được các yêu cầu sau:

- Có đủ trang thiết bị vật chất đảm bảo cho việc bảo quản, cất giữ NVL từ khâu thu mua đến khi đưa vào sử dụng.

- Có sự phối hợp đồng bộ giữa các bộ phận trong Công ty trong quá trình thu mua, dự trữ, sử dụng. Các bộ phận này bao gồm: Bộ phận cung ứng, bộ phận hạch toán, bộ phận kỹ thuật, bộ phận sử dụng... Giữa các bộ phận này phải đảm bảo có sự phối hợp nhịp nhàng và hiệu quả.

Để tránh nhầm lẫn trong công tác quản lý và hạch toán NVL trước hết các doanh nghiệp phải xây dựng được hệ thống danh điểm và đánh số danh điểm cho NVL. Hệ thống danh điểm và số danh điểm phải rõ ràng, chính xác tương ứng với quy cách của NVL đó.

Để quá trình kinh doanh liên tục và sử dụng vốn tiết kiệm thì doanh nghiệp phải dự trữ NVL ở một mức độ hợp lý. Do vậy doanh nghiệp phải xây dựng định mức tồn kho tối đa và tối thiểu cho từng danh điểm NVL, tránh việc dự trữ quá nhiều hoặc quá ít một loại NVL nào đó. Định mức tồn kho của NVL còn là cơ sở để xây dựng kế hoạch thu mua NVL và kế hoạch tài chính của doanh nghiệp.

Để bảo quản tốt NVL dự trữ, giảm thiểu hư hao, mất mát, các doanh nghiệp phải xây dựng hệ thống kho hàng, bến bãi đủ tiêu chuẩn kỹ thuật, bố trí thủ kho có đủ phẩm chất đạo đức và trình độ chuyên môn để quản lý NVL tồn kho và thực hiện các nghiệp vụ nhập, xuất kho, tránh việc kiêm nhiệm chức năng thủ kho với tiếp liệu và kế toán vật tư.

1.1.2 Vai trò, nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu

Để có thông tin cho công tác quản lý NVL, lãnh đạo doanh nghiệp có nhiều nguồn tin khác nhau để khai thác như thông tin về giá thị trường, thông tin từ nhà phân phối... Tuy nhiên thông tin do kế toán vật tư cung cấp là thông tin quan trọng nhất. Thông tin đó được thể hiện ở các mặt sau:

- Cung cấp thông tin cần thiết để quản trị mua hàng, quản trị hàng tồn kho, công nợ với người bán. Kế toán vật tư cung cấp thông tin về số lượng, giá trị của NVL nhập, xuất kho của từng kho, từng đơn vị, cung cấp thông tin về trả khoản phải trả...
- Cung cấp thông tin cần thiết để ghi các chỉ tiêu lên các báo cáo tài chính liên quan đến hàng tồn kho, các khoản phải trả...

Để cung cấp đầy đủ, kịp thời và chính xác thông tin cho công tác quản lý NVL trong các doanh nghiệp, kế toán NVL phải thực hiện được các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Ghi chép, tính toán, phản ánh chính xác, trung thực, kịp thời số lượng, chất lượng và giá thành thực tế của NVL nhập kho.
- Tập hợp và phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời số lượng và giá trị NVL xuất kho, kiểm tra tình hình chấp hành các định mức tiêu hao của từng loại.
- Phân bổ hợp lý giá trị NVL sử dụng vào các đối tượng tập hợp chi phí sản xuất – kinh doanh.
- Tính toán và phản ánh chính xác số lượng và giá trị NVL tồn kho, phát hiện kịp thời NVL thiếu thừa, ứ đọng, kém phẩm chất để doanh nghiệp có biện pháp xử lý kịp thời, hạn chế đến mức tối đa thiệt hại có thể xảy ra.
- Tổ chức chứng từ, tài khoản về kế toán, sổ sách kế toán phù hợp với tình hình biến động tăng, giảm của vật tư trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, nhằm cung cấp thông tin để tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh và phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán quy định.

1.1.3. Phân loại nguyên vật liệu

Theo thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014, NVL được phân loại như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu chính: Là những loại nguyên liệu và vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất thì cấu thành thực thể vật chất, thực thể chính của sản phẩm. Vì vậy khái niệm nguyên liệu, vật liệu chính gắn liền với từng doanh nghiệp sản xuất cụ thể. Trong các doanh nghiệp kinh doanh thương mại, dịch vụ... không đặt ra khái niệm vật liệu chính, vật liệu phụ. Nguyên liệu, vật liệu chính cũng bao gồm cả nửa thành phẩm mua ngoài với mục đích tiếp tục quá trình sản xuất, chế tạo ra thành phẩm.
- Vật liệu phụ: Là những loại vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất, không cấu thành thực thể chính của sản phẩm nhưng có thể kết hợp với vật liệu chính làm thay đổi màu sắc, mùi vị, hình dáng bề ngoài, tăng thêm chất lượng của sản phẩm hoặc tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm được thực hiện bình thường, hoặc phục

vụ cho nhu cầu công nghệ, kỹ thuật, bảo quản đóng gói; phục vụ cho quá trình lao động.

- Nhiên liệu: Là những thứ có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất, kinh doanh tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm diễn ra bình thường. Nhiên liệu có thể tồn tại ở thể lỏng, thể rắn và thể khí.

- Vật tư thay thế: Là những vật tư dùng để thay thế, sửa chữa máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, công cụ, dụng cụ sản xuất...

- Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản: Là những loại vật liệu và thiết bị được sử dụng cho công việc xây dựng cơ bản. Đối với thiết bị xây dựng cơ bản bao gồm cả thiết bị cần lắp, không cần lắp, công cụ, khí cụ và vật kết cấu dùng để lắp đặt vào công trình xây dựng cơ bản.

1.1.4. Đánh giá nguyên vật liệu

1.1.4.1. Nguyên tắc đánh giá

Đánh giá nguyên vật liệu là thước đo tiền tệ để biểu hiện giá trị của NVL theo những nguyên tắc nhất định đảm bảo yêu cầu trung thực khách quan.

Theo chuẩn mực 02, kế toán nhập - xuất - tồn kho NVL phải phản ánh theo giá gốc (giá thực tế), có nghĩa là khi nhập kho phải tính toán và phản ánh theo giá thực tế, khi xuất kho cũng phải xác định giá thực tế xuất kho theo phương pháp quy định. Song do đặc điểm của NVL có nhiều loại, nhiều thứ thường xuyên biến động trong quá trình sản xuất kinh doanh và yêu cầu của công tác quản trị NVL phục vụ kịp thời cho việc cung cấp hàng ngày, tình hình biến động và số hiện có của NVL nên trong công tác kế toán quản trị nguyên vật liệu còn có thể đánh giá theo giá hạch toán tùy thuộc vào yêu cầu quản lý của từng doanh nghiệp. Song dù đánh giá theo giá hạch toán, kế toán vẫn phải đảm bảo việc phản ánh tình hình nhập - xuất NVL trên các tài khoản, sổ kế toán tổng hợp theo giá thực tế.

1.1.4.2. Tính giá vật liệu nhập kho

Theo giáo trình *Kế toán chi phí* của Th.s Huỳnh Lợi, giảng viên Khoa Kế toán – Kiểm toán của Trường Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh: “Giá thực tế NVL nhập kho là toàn bộ chi phí thực tế phát sinh trong quá trình thu mua đến khi nhập kho để có số NVL đó”.

- Đối với NVL mua ngoài dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ hoặc theo phương pháp trực tiếp:

Trị giá vật liệu mua ngoài = Giá mua + Các loại thuế không được hoàn lại + Chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình thu mua + Các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc thu mua – Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua do hàng không đúng quy cách, phẩm chất.

- Đối với vật liệu do doanh nghiệp tự gia công chế biến:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thực tế} & & & \text{Giá thực tế} & & \text{Chi phí gia} & \text{Chi phí vận} \\ \text{NVL tự gia} & = & \text{NVL tự gia} & + & \text{công chế} & + & \text{chuyển bốc} \\ \text{công chế biến} & & \text{công chế biến} & & \text{biến} & & \text{dỡ} \end{array}$$

- Đối với NVL do doanh nghiệp thuê ngoài gia công chế biến:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thực tế} & & & \text{Trị giá thực tế} & & \text{Chi phí thuê} & \text{Chi phí} \\ \text{NVL thuê gia} & = & \text{NVL xuất thuê} & + & \text{gia công chế} & + & \text{thuê gia} \\ \text{công chế biến} & & \text{gia công chế} & & \text{biến} & & \text{công chế} \\ \text{trong kỳ} & & \text{biến} & & & & \text{biến} \end{array}$$

- Đối với NVL nhận vốn góp liên doanh, cổ phần thì theo giá chấp thuận của các bên.

- Đối với NVL nhận cấp biểu tặng thì giá trị NVL nhập kho là giá ghi trong biên bản của đơn vị cấp, hoặc xác định nó dựa vào giá trị của thị trường NVL tương đương.

- Đối với NVL nhập kho từ phế liệu thu hồi thì giá trị của nó được đánh giá theo giá trị thực tế của nó do đơn vị ước tính.

1.1.4.3. Tính giá vật liệu xuất kho

Trước khi xuất kho NVL sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, kế toán phải xác định tính toán giá trị thực tế của NVL xuất dùng để biết được tình hình sử dụng NVL cho quá trình sản xuất, qua đó có biện pháp quản lý và tạo thuận lợi cho công tác tính giá thành sản phẩm. Việc tính giá trị thực tế NVL xuất kho doanh nghiệp có thể áp dụng một số phương pháp sau:

- Phương pháp bình quân gia quyền: Đây là phương pháp mà giá trị thực tế NVL xuất kho được tính dựa trên đơn giá bình quân của NVL:

$$\text{Giá thực tế của NVL } i \text{ xuất kho} = \text{Số lượng NVL } i \text{ xuất kho} * \text{Đơn giá thực tế bình quân NVL}$$

Đơn giá bình quân NVL doanh nghiệp có thể tính toán theo đơn giá bình quân khác nhau tùy theo từng thời điểm tính toán. Thông thường doanh nghiệp sử dụng một trong các đơn giá sau:

- Đơn giá bình quân cuối kỳ (cả kỳ dự trữ):

$$\begin{array}{lcl} \text{Đơn giá thực tế bình quân NVL } i \text{ cả kỳ dự trữ} & = & \frac{\text{Trị giá thực tế NVL tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế NVL } i \text{ nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng NVL } i \text{ tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng NVL } i \text{ nhập kho trong kỳ}} \end{array}$$

Cách tính theo đơn giá tính bình quân cuối kỳ được xác định khi kết thúc kỳ hạch toán, nó chỉ phản ánh số lượng thực tế NVL xuất dùng trong kỳ mà không phản ánh giá trị của nó, điều đó làm cho thông tin cung cấp cho nhà quản trị chậm trễ. Song cách này có ưu điểm là đơn giản, giảm bớt được công việc phù hợp với những doanh nghiệp nhỏ, có số lượng NVL ít, số lần nhập xuất ít.

- Đơn giá bình quân cuối kỳ trước: Phương pháp này được sử dụng bằng cách lấy theo đơn giá bình quân cuối kỳ trước làm cơ sở để tính số NVL xuất kho trong kỳ. Vì thế phương pháp này có những hạn chế lớn đó là không tính đến sự biến động của giá NVL ở trong kỳ nên giá trị khi tính toán được phản ánh không thật sự chính xác, nhưng nó lại có ưu điểm là cách tính đơn giản phản ánh kịp thời nhanh chóng.